

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024
CỦA HUYỆN THANH HÀ - TỈNH HẢI DƯƠNG

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
A	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH		14,30	0,00	14,30					11,30	3,00
I	Đất an ninh	CAN.	14,30	0,00	14,30					11,30	3,00
1	Cơ sở làm việc công an huyện Thanh Hà	CAN	3,00		3,00	CLN, DGT, DTL	Xã Cẩm Chế	Tờ 9 (thửa 35, 36, 37,...54-58..71-73...112, 113...176-178-205)	Nghị quyết 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị		3,00
2	Trại tạm giam Công an tỉnh (Di chuyển Trại tạm giam Kim Chi)	CAN	9,80		9,80	CLN, DGT, DTL	Xã An Phượng	Tờ 6 (thửa 1,2,3,104,114,388...271...98.99.151.); tờ 1 (thửa 326,327...401.402...658..653...655.656-505....)	Văn bản số 782/UBND-VP, ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh V/v vị trí sử dụng đất an ninh - Trại tạm giam Công an tỉnh; Bộ Công an có văn bản số 1576/BCA-H02, ngày 11/5/2020, v/v di chuyển Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.	9,80	-
3	Công an xã An Phượng	CAN	0,14		0,14	TSC, CLN	Xã An Phượng	Tờ 8 (thửa 33, 34, 41,...78)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Thanh Hà kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn huyện Thanh Hà năm 2023	0,14	
4	Công an xã Thanh Sơn	CAN	0,15		0,15	CLN	Xã Thanh Sơn	Tờ 6 (thửa 419, 420, 421, 422, 432, 433, 434, 435, 436)	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 8/02/2023 của UBND huyện Thanh Hà kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn huyện Thanh Hà năm 2023	0,15	
5	Công an xã Tân Việt	CAN	0,20		0,20	LUC, DGT, DTL	Xã Tân Việt	Tờ 7 (thửa 870, 866,...964, 965, 958-967, 963.....1023)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Thanh Hà kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn huyện Thanh Hà năm 2023	0,20	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
6	Công an xã Thanh Lang	CAN	0,10		0,10	DGD	Xã Thanh Lang	Tờ 29 (thửa 68)	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 8/02/2023 của UBND huyện Thanh Hà kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn huyện Thanh Hà năm 2023	0,10	
7	Công an xã Hồng Lạc	CAN	0,18		0,18	DCH	Xã Hồng Lạc	Tờ 32 (thửa 274)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Thanh Hà kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn huyện Thanh Hà năm 2023	0,18	
8	Công an xã Thanh Cường	CAN	0,10		0,10	CLN, NTD	Xã Thanh Cường	Tờ 2 (thửa 770-777), tờ 6 (thửa 1-9; 83-89)	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 8/02/2023 của UBND huyện Thanh Hà kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn huyện Thanh Hà năm 2023	0,10	
9	Công an xã Vĩnh Lập	CAN	0,14		0,14	CLN	Xã Vĩnh Lập	Tờ 8 (thửa 460, 461, 491-493...)	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 8/02/2023 của UBND huyện Thanh Hà kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn huyện Thanh Hà năm 2023	0,14	
10	Công an xã Việt Hồng	CAN	0,11		0,11	TSC	Xã Việt Hồng	Tờ 21 (thửa 267)	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 8/02/2023 của UBND huyện Thanh Hà kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn huyện Thanh Hà năm 2023	0,11	
11	Công an xã Thanh Xuân	CAN	0,13		0,13	CLN	Xã Thanh Xuân	Tờ 6 (thửa 504, 505, 516, 517...)	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Thanh Hà kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn huyện Thanh Hà năm 2023	0,13	
12	Công an xã Thanh Quang	CAN	0,15		0,15	CLN	Xã Thanh Quang	Tờ 6 (thửa 125, 60, 58, 61, 59, 67, 6, 49-52, 21, 63, 65, 66, 121-124)	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Thanh Hà về kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn huyện Thanh Hà năm 2023	0,15	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
13	Công an xã Thanh Hồng	CAN	0,10		0,10	TSC, MNC	Xã Thanh Hồng	Tờ 7 (thửa 564, 565...)	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Thanh Hà kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn huyện Thanh Hà năm 2023	0,10	
B	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI		495,21	90,23	404,99					387,06	17,92
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		417,99	82,79	335,21					326,67	8,53
1	Đất phát triển hạ tầng	DHT.	152,12	19,60	132,53					124,53	7,99
1.1	Đất giao thông	DGT.	69,22	16,44	52,78					52,78	0,00
14	Nâng cấp đường tỉnh 390B (Km0+909 - Km6+200, qua xã Hồng Lạc, Việt Hồng) và đoạn kéo dài nối ĐT.390 tránh trung tâm thị trấn Thanh Hà	DGT.	24,48	-	24,48	LUC, CLN, HNK, ONT, DGT, DTL...	Xã Hồng Lạc, Xã Việt Hồng, Xã Thanh An, Xã Liên Mạc, Xã Cẩm Chẽ, TT Thanh Hà,	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4097/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và được UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh bổ sung Dự án theo Văn bản số 1370/UBND-VP của UBND tỉnh ngày 20/4/2021	24,48	-
15	Dự án cải tạo, nâng cấp đường 390 (đoạn từ cầu Hợp Thanh đi đến cầu Quang Thanh)	DGT.	14,00	7,47	6,53	LUC, HNK, CLN, NTS, ONT	Xã Thanh Thủy, Xã Thanh Quang, Xã Thanh Cường	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư dự án	6,53	
16	Dự án đầu tư xây dựng đường 396 kéo dài (đoạn nối đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390)	DGT.	15,50	8,97	6,53	LUC, BHK, DTL, DGT, ONT, TSN	Xã Vĩnh Lập, Xã Thanh Cường	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án	6,53	
17	Quy hoạch, nâng cấp, mở rộng giao thông thị trấn Thanh Hà	DGT	2,00	-	2,00	CLN	Thị trấn Thanh Hà	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3046/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND huyện về phê duyệt chủ trương đầu tư công trình	2,00	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
18	Bãi đỗ xe xã Thanh Thủy	DGT	2,21	-	2,21	CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 288.. 374..375..378....429...500-501-505...)	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1611-TB/HU ngày 15/5/2020 Thông báo Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy V/v xin chủ trương XD bãi đỗ xe xã Thanh thủy	2,21	-
19	Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 390 (Km23+554/P) qua Đồng Giai với Cầu Điều (trên đường 190D) đi qua địa phận xã Tân An và xã Thanh Hải	DGT.	3,74	-	3,74	LUC, ONT, CLN	Xã Tân An, Xã Thanh Hải, Xã An Phượng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1171-TB/HU ngày 21/4/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện về phương án hướng tuyến, quy mô tuyến	3,74	-
20	Đường từ nhà mẫu giáo xóm 4 đi SVĐ; Tuyến từ cầu Hồ đi gốc đa thôn Thừa Liệt; Tuyến từ đường 390 đi Cầu Điều xóm 4; Tuyến từ trường cấp 1 đi nhà văn hóa thôn Tiền Vĩ...	DGT	1,46	-	1,46	LUC, HNK, CLN, NTS, DTL, DGT	Xã Thanh Hải	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1558-TB/HU ngày 27/4/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy về phương án hướng tuyến, quy mô tuyến đường giao thông nối tỉnh lộ 390 (Km22+00/P) với đê sông Thái Bình, đi qua địa phận xã Thanh Hải	1,46	-
21	Mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường huyện Cẩm Chế - Thanh Xuân (từ Km0+330 đến Km0+830)	DGT	0,38	-	0,38	CLN, HNK, DGT	Xã Cẩm Chế	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1598-TB/HU ngày 15/5/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy về việc xã Cẩm Chế thực hiện dự án	0,38	-
22	Mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường huyện Cẩm Chế - Thanh Xuân (từ Km0+830 đến Km1+570; từ Km 1+850 đến Km2+250; từ Km2+520 đến K4+850)	DGT	2,40	-	2,40	LUC, CLN, DTL, NTS, DGT, ONT	Xã Liên Mạc	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1600-TB/HU ngày 15/5/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy về việc xã Liên Mạc thực hiện dự án	2,40	-
23	Mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường huyện Cẩm Chế - Thanh Xuân (từ Km4+850 đến Km8+914,29)	DGT	3,05	-	3,05	CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Xuân	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1599-TB/HU ngày 15/5/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy về việc xã Thanh Xuân thực hiện dự án	3,05	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1.2	Đất thủy lợi	DTL	29,81	0,00	29,81					29,81	0,00
24	Xử lý cấp bách cống Ba Lữ tại K46+100 đê tả sông Thái Bình, huyện Thanh Hà	DTL	0,50	-	0,50	HNK, LUC, DTL, CLN, ONT	Xã An Phượng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh V/v phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình	0,50	-
25	Xây mới Cống Đường Liền, vị trí K57+728 đê tả TB, xã Vĩnh Lập	DTL	0,25	-	0,25	CLN, HNK, DTL	Xã Vĩnh Lập	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án	0,25	
26	Xây mới Cống Thiệu Cao, vị trí K59+110 đê TTB, xã Vĩnh Lập	DTL	0,25	-	0,25	CLN, HNK, DTL	Xã Vĩnh Lập	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án	0,25	
27	Hoàn thiện mặt cắt và gia cố mặt đê với chiều dài L = 3,53 km đê TTB, vị trí tương ứng từ K53+450-K56+987, thuộc địa phận xã Thanh Hồng	DTL	0,10	-	0,10	CLN, HNK, DTL	Xã Thanh Hồng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	0,10	
28	Nạo vét kênh KT TB Thanh Lang	DTL	0,10	-	0,10	CLN, HNK, DTL	Xã Thanh Lang	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án	0,10	
29	Tu bổ, nâng cấp tuyến đê hữu Rạng đoạn K0+815-K8+170, K9+600-K13+000, K15+300-K20+430, huyện Thanh Hà	DTL	8,60	-	8,60	LUC, HNK, CLN, DTL..	Xã Hồng Lạc, Việt Hồng, Thanh An, Thanh Lang, Liên Mạc, Thanh Xuân	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định 3225/QĐ-BNN-PCTT ngày 25/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt dự án	8,60	
30	Cải tạo, nâng cấp đê tả Thái Bình (Cải tạo, nâng cấp công trình đê điều đê địa phương tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025)	DTL	2,12		2,12	LUC, HNK, DTL, ONT, CLN...	Xã Thanh Hồng, Xã Vĩnh Lập	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án	2,12	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
31	Tu bổ nâng cấp kè Thanh Hồng, đê tả Thái Bình	DTL	0,19		0,19	CLN, HNK,NTS...	Xã Thanh Hồng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án	0,19	
32	Nâng cấp hệ thống đê tả sông Thái Bình đoạn từ K17-K40+000; K47+630; K49+618 thuộc địa bàn huyện Thanh Hà	DTL	10,50		10,50	LUC, HNK, DTL, ONT, CLN...	Xã Thanh Hải, Xã An Phượng, Xã Thanh Sơn, Xã Thanh Quang	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Văn bản số 62/TTg-QHQT ngày 19/01/2021 của Thủ tướng Chính Phủ V/v phê duyệt đề xuất dự án	10,50	
33	Xây dựng thay thế cống Thần, huyện Thanh Hà	DTL	0,25		0,25	LUC, HNK, DTL, CLN,	Xã Hồng Lạc	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Văn bản số 62/TTg-QHQT ngày 19/01/2021 của Thủ tướng Chính Phủ V/v phê duyệt đề xuất dự án	0,25	-
34	Xây dựng mới cống Cầu Tạm tại K1+200 đê hữu Rạng, huyện Thanh Hà	DTL	0,25		0,25	LUC, HNK, NTS, DTL, ONT	Xã Hồng Lạc	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định 3226/QĐ-BNN-PCTT ngày 25/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn phê duyệt dự án	0,25	-
35	Tu bổ kè Thanh Hải vị trí tương ứng K39+850-K40+563 đê tả Thái Bình; Xây dựng kè vị trí tương ứng K12+913-K13+250 đê hữu Rạng; đoạn từ K1+250-K1+500 đê tả Mía	DTL	0,70		0,70	LUC, HNK, DTL, ONT, NTS	Xã Thanh Hải; Xã Thanh Lang; Xã Vĩnh Lập	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án	0,70	-
36	Công trình xử lý cấp bách đê điều huyện Thanh Hà (tuyến đê hữu sông Rạng đoạn từ K8+170-K10+170; K13+000-K17+000)	DTL	6,00		6,00	LUC, HNK, DTL, ONT, CLN,	Xã Thanh An, Xã Thanh Lang, Xã Thanh Xuân	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3226/QĐ-BNN-PCTT ngày 25/8/2022 của Bộ NNPTNT phê duyệt dự án thành phần số 04	6,00	-
1.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH.	0,35	0,00	0,35					0,35	0,00
37	Nhà văn hóa - thư viện xã Thanh Thủy	DVH	0,35	-	0,35	CLN, NTD	Xã Thanh Thủy	Tờ 4 (thửa 604, 605, 606, 665, 679, 655, 656...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Thông báo số 74-TB/HU ngày 30/3/2016 của Thường trực huyện ủy Thanh Hà về việc xây dựng công trình cơ bản tại xã Thanh Thủy	0,35	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD.	2,72	1,03	1,69					1,46	0,23
38	Trường THPT Thanh Hà (mở rộng)	DGD	0,16	-	0,16	ODT; DVH	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 46 (thửa 5,17); Tờ 41 (thửa 133)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3866/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND huyện về phê duyệt đề cương nhiệm vụ quy hoạch chi tiết	0,16	-
39	Trường THPT Thanh Bình (mở rộng)	DGD	0,50	-	0,50	LUC, DGT, DTL, NTD	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 4 (thửa 119,120,121-129, 167-172-177)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện Về việc chấp thuận lập quy hoạch đất mở rộng trường THPT Thanh Bình	0,50	-
40	Mở rộng trường THCS Chu Văn An	DGD	0,22	-	0,22	LUC, HNK, CLN, DTL	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 4 (thửa 119, 120..127..129....123,12 2...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 54/TB-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất thực hiện công trình	0,22	-
41	Mở rộng trường mầm non Thanh Sơn (khu Tráng Liệt)	DGD	0,48	0,33	0,15	CLN	Xã Thanh Sơn	Tờ 5 (thửa 460,459,517,518, 537...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Biên bản Hội nghị xin ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về nhiệm vụ, đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng trường mầm non Thanh Sơn, khu Tráng Liệt ngày 21/7/2023		0,15
42	Mở rộng trường Trung học cơ sở Thanh sơn	DGD	0,78	0,70	0,08	CLN, DGT	Xã Thanh Sơn	Tờ 06 (thửa 492,493,517,491,518)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ - Dự toán lập điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chi tiết xây dựng		0,08
43	Mở rộng trường Tiểu học xã Phụng Hoàng (bổ sung diện tích)	DGD	0,20	-	0,20	LUC, DTL, NTD	Xã An Phượng	Tờ 2 (thửa 1487, 1488,1566,1567,1568)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số: 3259/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Tiểu học An Phượng (Khu A)	0,20	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
44	Mở rộng trường Mầm non điểm Trường Thành	DGD	0,04		0,04	CLN	Xã Thanh Quang	Tờ 4 thửa 988	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Thông báo số 652-TB/HU ngày 27/10/2022 của Ban Thường vụ huyện ủy về Chủ trương đầu tư xây dựng một số công trình xã Thanh Quang	0,04	-
45	Xây dựng trường Mầm non Hồng Lạc (Khu B thôn Hải Hộ)	DGD	0,34		0,34	LUC, DGT, DTL	Xã Hồng Lạc	Tờ 16 (thửa 442, 443-448, 489-491, 444-448, 492, 493, 524, 525, 520)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 596/TB/HU ngày 25/8/2022 của Huyện ủy Thanh Hà Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy Về chủ trương đầu tư cải tạo một số hạng mục trường Mầm non Hồng Lạc	0,34	
1.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT.	9,53	2,13	7,40					7,40	0,00
46	Xây dựng khu trung tâm văn hóa, thể thao huyện Thanh Hà	DTT	6,13	2,13	4,00	CLN, DGT, DTL	Xã Cẩm Chế	Tờ 9 (thửa 349-351-390-420-446-454-470-490....)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND huyện Thanh Hà về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng	4,00	-
47	Sân vận động thị trấn Thanh Hà	DTT	2,10		2,10	CLN, DGT, DTL	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 7 (1498,1499,1506,1509..1525,1526...), tờ 10 (5,6,7...17,18,55.)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 5142/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	2,10	-
48	Sân vận động trung tâm xã Thanh Sơn	DTT	1,30		1,30	CLN, DGT	Xã Thanh Sơn	Tờ 6 (thửa 403..451...485...479-542....)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao nâng cao	1,30	-
1.6	Đất công trình năng lượng	DNL.	8,31	0,00	8,31					2,21	6,10
49	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2020	DNL.	0,207		0,207	LUC, CLN, NTS, DGT, DTL, DSH..	Xã Vĩnh Lập, xã Việt Hồng, xã Tân An, xã Thanh Hồng, xã Thanh Khê	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế- kỹ thuật số 656/QĐ-PCHD ngày 14/02/2020	0,207	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
50	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2021	DNL.	0,023	-	0,023	LUC, CLN, HNK	Xã Tân Việt, Xã Cẩm Chế	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 5333/QĐ-PCHD ngày 22/9/2021 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương về Phê duyệt dự án xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2021	0,023	-
51	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2022	DNL.	0,01	-	0,010	DGT, DTL, CLN	Xã Tân An, Xã Tân Việt	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2597/QĐ-PCHD ngày 01/6/2021 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương về Phê duyệt dự án xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2021	0,010	-
52	Xây dựng mới và cải tạo ĐZ 35KV lộ 372E8.13; 373E8.13 và các nhánh rẽ - Điện lực Thanh Hà	DNL.	0,060	-	0,060	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân Việt, Xã Tân An, Xã Thanh Hải	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 209/QĐ-PCHD ngày 18/1/2021 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương về Phê duyệt dự án	0,060	-
53	Xây dựng các xuất tuyến trung áp sau TBA 110kV Thanh Hà	DNL.	0,09	-	0,09	CLN, DGT	Xã Liên Mạc, Xã Thanh Xá, Xã Thanh Thủy	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định phê duyệt dự án số 3159/QĐ-PCHD ngày 24/6/2021	0,09	-
54	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2022 (giai đoạn 2)	DNL.	0,07	-	0,07	LUC, Đất khác	Xã Thanh Quang, Xã Thanh Khê	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 5436/QĐ-PCHD ngày 14/10/2021 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương về Phê duyệt dự án xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2022 - giai đoạn 2	0,07	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
55	Dự án Trạm biến áp 110kV Thanh Hà và nhánh rẽ	DNL.	1,47	-	1,47	CLN, HNK, DGT, DTL	Xã Thanh Lang, Liên Mạc, Thanh Xuân, Thanh Thủy	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4930/QĐ-BCT, ngày 19/12/2016 của Bộ Công Thương; CV số 1606/UBND-VP, ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thỏa thuận hưởng tuyến đường dây 110 kV và trạm biến áp 110 kV Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; Quyết định số 3060/QĐ-BCT, ngày 09/10/2019 của Bộ Công Thương	1,47	-
56	Mở rộng và cải tạo lưới điện trung hạ áp tỉnh Hải Dương (JICA)	DNL.	0,03	-	0,03	LUC, CLN, DTT, NTD...	Xã Thanh Hồng, Xã Thanh Quang, Xã Thanh Thủy	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định phê duyệt số 1497/QĐ-BCT ngày 28/5/2021 của Bộ Công Thương	0,03	-
57	Xây dựng mới và cải tạo lưới điện trung áp huyện Thanh Hà	DNL	0,03	-	0,03	LUC, Đất Khác	Xã Thanh Sơn	Theo tuyến đường dây	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2023	0,03	-
58	Cải tạo đường dây 35kV từ cột 98 đến cột 139 nhánh Cấp Tứ lộ 373E8.6	DNL	0,20	-	0,20	LUC, CLN, Đất khác	Xã Liên Mạc	Theo tuyến đường dây	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2023	0,20	-
59	Xây dựng ĐZ trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2023	DNL.	0,02	-	0,022	LUC, DGT, DTL	Xã An Phượng, xã Thanh Quang, xã Thanh An, xã Thanh Lang	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2023	0,022	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
60	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2024	DNL.	0,02	-	0,02	LUC, CLN	Xã An Phượng, Thanh Xá, Thanh Hồng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2023		0,02
61	Xây dựng mới xuất tuyến 35kV sau TBA 110kV Thanh Hà san tải cho lộ 373E8.23	DNL.	0,08	-	0,08	LUC, CLN, Đất Khác	Xã Thanh Sơn, Thanh Thủy, Thanh Xá, Thanh Khê, TT Thanh Hà	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2023		0,08
62	Trạm biến áp 220kV Thanh Hà và đường dây đầu nối	DNL.	6,00		6,00	CLN	Xã Thanh Thủy, Thanh Sơn, Thanh Khê, An Phượng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Văn bản số 1300/UBND-VP ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận địa điểm		6,00
1.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA.	14,44	0,00	14,44					14,44	0,00
63	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu xử lý rác thải Việt Hồng, huyện Thanh Hà (Mở rộng Nhà máy tái chế rác của tỉnh giai đoạn 2)	DRA	14,00	-	14,00	LUC, DGT, DTL	Xã Việt Hồng	Tờ 3 (thửa 7-14-124-127...266-297...), Tờ 4 (thửa 2-6-12-19...105-198-207....561...574....668...757...575....643....)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Thông báo số 725-TB/TU ngày 03/06/2022 và Văn Bản số 3920/UBND-VP ngày 07/10/2022	14,00	-
64	Bãi chôn lấp rác thôn Tiên Vĩ, xã Thanh Hải	DRA	0,44	-	0,44	CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Hải	Tờ 5 (thửa 185-188, 248-285-368,184,185, 287, 288...)	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,44	-
1.8	Đất cơ sở tôn giáo	TON.	1,69	0,00	1,69					0,03	1,66
65	Chùa Trung Sơn, xã Tân An	TON	0,03	-	0,03	CLN, NTS	Xã Tân An	Tờ 22 (thửa 185, 166)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Kết luận số 01-KL/BCĐ ngày 27/9/2019 của BCĐ công tác Tôn giáo tỉnh Hải Dương về kết quả kiểm tra công tác xây dựng, sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh	0,03	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
66	Mở rộng chùa Hưng Khánh xã Hồng Lạc	TON	1,66		1,66	LUC, DGT, DTL	Xã Hồng Lạc	Tờ 7 (thửa 1459...1395...1452...1467...1298...1329...1216...1247..)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số: 1335/QĐ-UBND ngày 06/04/2023 của UBND huyện Thanh Hà về việc Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Lạc huyện Thanh Hà đến năm 2030;		1,66
1.9	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD.	4,27	0,00	4,27					4,27	0,00
67	Mở rộng nghĩa địa thôn Trường Giang, Xuân Áng	NTD	0,30	-	0,30	CLN	Xã Thanh Xuân	Tờ 9 (thửa 466,470,471,491...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao nâng cao	0,30	-
68	Mở rộng nghĩa địa thôn Hải Yến, Hải Hộ	NTD	0,30	-	0,30	LUC, DGT	Xã Hồng Lạc	Tờ 15 (thửa 600...683...708, 709, 748, 751, 750-755, 758...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao nâng cao	0,30	-
69	Mở rộng nghĩa địa Chùa Chè - Khánh Mậu; nghĩa địa Đồng Lác; nghĩa địa Tiên Đăng	NTD	0,90	-	0,90	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 4 (thửa 343...318...248...257...406...473...476...426...328...329...465...); Tờ 4 (thửa 7...20...64...156...173...161...163...106...47...104...118...); Tờ 10 (thửa 704...745...782...790...788...784...739,702...734)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao nâng cao	0,90	-
70	Mở rộng nghĩa địa các thôn - xã Thanh Xá	NTD	0,50	-	0,50	CLN	Xã Thanh Xá	Tờ 4 (thửa 429...500...509...510, 181,205...) tờ 6 (161-167-173...465...492...), tờ 15 (thửa 91,110...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao nâng cao	0,50	-
71	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Thanh Lang	NTD	0,30	-	0,30	LUC, DGT	Xã Thanh Lang	Tờ 10 (thửa 135..140...169, 170...345...343..338..248..250, 254...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Thực hiện Kết luận của BTV Huyện ủy tại Thông báo số 22-TB-HU ngày 21/9/2020 về quy hoạch, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Thanh Lang	0,30	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
72	Xây dựng, mở rộng nghĩa địa xã Thanh Hải	NTD	1,00	-	1,00	LUC, CLN	Xã Thanh Hải	Tờ 1 (thửa 255, 256), Tờ 6 (thửa 256, 258...264...344...346 ...378...); tờ 16 (thửa 1459, 1460, 1502, 1503, 1535....)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao nâng cao	1,00	-
73	Xây dựng, mở rộng nghĩa địa xã Tân An	NTD	0,97	-	0,97	LUC, CLN	Xã Tân An	Tờ 3 (thửa 254, 255...294...332, 333...), Tờ 7 (thửa 40...101...111...402); Tờ 8 (thửa 324...501); Tờ 10 (thửa 962, 1006, 1022, 1075...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao nâng cao	0,97	-
1.10	Đất chợ	DCH	11,78	0,00	11,78					11,78	0,00
74	Xây dựng chợ Lại xã Thanh Thủy (mở rộng)	DCH	0,99	-	0,99	CLN, DGT	Xã Thanh Thủy	Tờ 5 (thửa 361,390-476); tờ 15 (thửa 91, 92,101,127,126,143..	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3701/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện Thanh Hà về Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng chợ Lại, xã Thanh Thủy	0,99	-
75	Dự án khu Chợ dịch vụ thương mại Tân Việt	DCH	2,50	-	2,50	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân Việt	Tờ 7 (thửa 1198...1200...1420..); tờ 8 (thửa 454...457...541..556..) ; Tờ 7+8 (thửa 1, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 13, 17, 16, 18, 19, 20, 28, 29....trích đo)	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023của HĐND tỉnh; Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	2,50	-
76	Chợ, thương mại dịch vụ xã Việt Hồng	DCH	3,00	-	3,00	CLN, NTS, DGT, DTL	Xã Việt Hồng	Tờ 7 (thửa 835,836, 843, 893, 898, 902,903, 907, 949,951,1105...)	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023của HĐND tỉnh; Quyết định số 4682/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh về Quyết định lựa chọn chủ đầu tư xây dựng khu chợ, thương mại dịch vụ xã Việt Hồng	3,00	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
77	Xây dựng chợ xã Liên Mạc	DCH	2,18	-	2,18	LUC, CLN, DGT, DTL, NTD...	Xã Liên Mạc	Tờ 5 (thửa 66,67,75-78, 175,176,260,266,247... 346,347....78,89,126...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4683/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh về Quyết định lựa chọn chủ đầu tư xây dựng chợ xã Liên Mạc	2,18	-
78	Xây dựng khu chợ, thương mại dịch vụ xã Thanh Hải	DCH	3,11	-	3,11	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Hải	Tờ 7 (thửa 287,286...543,544,..1172...1493...1494...1420..1138....)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 26-TB/HU ngày 21/9/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy V/v chủ trương thực hiện dự án; Công văn số 139/SKHĐT-ĐT, TĐ&GSĐT ngày 27/01/2021 của Sở KHĐT V/v xin ý kiến thẩm định về đề xuất đầu tư thực hiện dự án	3,11	-
2	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL.	10,95	3,95	7,00					7,00	0,00
79	Du lịch sinh thái Sông Hương (Điểm đón tiếp đầu tuyến tại xã Cẩm Chế)	DDL	4,50	1,50	3,00	CLN, SKC, DGT, DTL	Xã Cẩm Chế	Tờ 7 (thửa 328,329,324,335,541,597,537,604..700..786....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2787/QĐ-UBND tỉnh ngày 30/10/2015 về việc phê duyệt đề cương đầu tư xây dựng dự án, hạ tầng du lịch sinh thái sông Hương	3,00	-
80	Du lịch sinh thái Sông Hương (điểm số 2: Điểm dừng chân giữa tuyến; điểm số 3: Điểm dừng chân cuối tuyến)	DDL.	6,45	2,45	4,00	CLN, HNK, NTS, DGT	Xã Thanh Xá, Xã Thanh Thủy	Tờ 7 (thửa 328,329,324,335,541,597,537,604..700..786....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2787/QĐ-UBND tỉnh ngày 30/10/2015 về việc phê duyệt đề cương đầu tư xây dựng dự án hạ tầng du lịch sinh thái Sông Hương	4,00	-
3	Đất ở tại đô thị (bao gồm cả hạ tầng)	ODT.	34,10	3,85	30,25					30,25	0,00
81	Xây dựng khu hành chính và dân cư phía Đông thị trấn Thanh Hà (lần 2 giai đoạn 1- lần 1 giai đoạn 2); sau phòng công chứng	ODT.	7,30	-	7,30	LUC, CLN, DGT, DTL, NTD, SON...	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 9 (thửa 125.. 136-200-233-485,261-315...305...153..84..162)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4191/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết XD	7,30	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
82	Xây dựng khu hành chính và dân cư phía Đông thị trấn Thanh Hà (giai đoạn 3); sau phòng công chứng	ODT.	4,70	-	4,70	LUC, CLN, DGT, DTL, NTD, SON...	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 9 (thửa 125.. 136-200-153-571-572-460-462-485,261...322...478.233...200....); Tờ 10 (68-76-79-190-202...205....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết XD	4,70	
83	Khu dân cư trung tâm thương mại cũ phía Đông, thị trấn Thanh Hà	ODT.	0,60	-	0,60	TMD, CLN, SON, DGT	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 9 (22,59,60..), tờ 10 (34,98..) (thửa 286 mảnh trích đo khu đất)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4553/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng	0,60	-
84	Xây dựng khu dân cư khu 5, thị trấn Thanh Hà	ODT.	0,51	-	0,51	LUC, CLN, NTS, DGT, DTL, NTD	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 6 (thửa 49,50.....,58,60), tờ 23 (thửa 31)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,51	-
85	Xây dựng khu dân cư khu 1 thị trấn Thanh Hà (Phần còn lại)	ODT.	4,40	3,85	0,55	LUC, CLN, NTS, DGT, DTL, NTD...	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 9 (thửa 1145-1166-1219-1244...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3970/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND huyện Thanh Hà về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết	0,55	-
86	Xây dựng khu dân cư mới thị trấn Thanh Hà	ODT.	9,99	-	9,99	CLN, HNK, NTS, DGT, DTL...	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 6 (thửa 545..696,697...702...733..752,744 1204; 1348-1354, 1355-1484-1488-1500-1521-1253; Tờ 7 (thửa 2,3,5,30-32)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thực hiện dự án	9,99	-
87	Khu dân cư mới Khu 8 và khu 5, vị trí 2	ODT.	6,60	-	6,60	LUC, CLN, NTS, DGT, DTL, DNL...	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 5 (thửa 16-23...28....53...54...53...54...413...461...402...313...187...107...); tờ 3 (1463, 1464-1468...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định 2633/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	6,60	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
4	Đất ở tại nông thôn (bao gồm cả hạ tầng)	ONT.	220,82	55,39	165,43					164,89	0,54
88	Xây dựng khu dân cư tại xã Tân An và xã Thanh Hải	ONT.	26,90	-	26,90	LUC, CLN, DGT, DTL, NTD...	Xã Tân An, Xã Thanh Hải	Tờ 1+2+5 (thửa 98-100...596.678...1039.1039....945,946...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4213/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND huyện Thanh Hà Vv phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	26,90	-
89	Khu dân cư mới phía tây thị trấn Thanh Hà (Sau phòng khám Y Cao; phần còn lại)	ONT.	9,71	8,53	1,18	CLN; DGT; DTL..	Xã Thanh Khê, Xã Tân An	Thanh Khê: tờ 1, tờ 2, tờ 3; Tân An: tờ 8, tờ 10, tờ 11	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	1,18	-
90	Xây dựng khu dân cư mới xã Tân An và xã Thanh Khê (sau chi cục thuế; phần còn lại).	ONT.	9,72	8,22	1,50	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân An, Xã Thanh Khê	Xã Tân An: Tờ 11(23,29...67); Xã Thanh Khê tờ 3 (212,226...784,785..)	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 26/2/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	1,50	-
91	Khu đô thị sinh thái Thanh Bình (Xây dựng nhà truyền thống, công viên cây xanh, trụ sở làm việc huyện ủy, HĐND, UBND huyện Thanh Hà)	ONT, ODT, TSC	44,57	-	44,57	LUC; CLN; DGT, DTL	Xã Thanh Khê; Thị trấn Thanh Hà	Xã Thanh Khê: tờ 3+4+6+7+14+18 TT Thanh Hà: tờ 9+11	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh Hải Dương V/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ hồ sơ điều chỉnh, mở rộng QH chung xây dựng thị trấn Thanh Hà	44,57	-
92	Xây dựng khu dân cư mới xã Cẩm Chế (phần còn lại)	ONT.	29,38	26,60	2,78	LUC, CLN CLN, NTS; ONT; TON; DNL; DGT; DTL; NTD...	Xã Việt Hồng, Xã Cẩm Chế	Cẩm chế tờ 2,5,7,18,21; Việt Hồng tờ 10	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3840/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND tỉnh Vv phê duyệt Hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án; Văn bản số 4573/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 13/9/20019 về việc chuyển mục đích đất trồng lúa để thực hiện dự án;	2,78	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
93	Điểm dân cư mới xã Cẩm Chế - Việt Hồng	ONT.	2,20	-	2,20	LUC, DGT, DTL	Xã Cẩm Chế; Xã Việt Hồng	Xã Cẩm Chế từ 2 (160,159,161,198... Xã Việt Hồng từ 10 (thửa 224, 225, 238, 240...310, 311...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1697-TB/HU ngày 10/6/2020 Thông báo kết luận của BTVHU về quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới xã Cẩm Chế - Việt Hồng; Thông báo số 374-TB/HU ngày 18/10/2021 Thông báo kết luận của BTV HU về điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng	2,20	-
94	Khu dân cư mới thôn Đông Phan, xã Tân An (Thực hiện tiếp phần còn lại)	ONT	9,84	9,10	0,74	LUC, DGT, DTL, SKC, DGT..	Xã Tân An	Tờ 6+ 9+ 10 (thửa 375, 443, 369, 370....)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 28/6//2017 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà V/v Phê duyệt quy hoạch chi tiết	0,20	0,54
95	Điểm dân cư mới xã Tân An (đồng Công Chính giáp xã Thanh Hải)	ONT	0,10	-	0,10	LUC, DGT	Xã Tân An	Tờ 9 (thửa 119-121-123-144-150)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1836/QĐUB ngày 31/5/2013 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và giá dự toán khu dân cư xã Tân An	0,10	-
96	Khu dân cư mới Nam đường 390 xã Thanh Hải (giai đoạn 2), (điểm dân cư tập trung xã Thanh Hải)	ONT.	2,40	-	2,40	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Hải	Tờ 7 (thửa 179,186,265,266,280,4 21,382....)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND huyện Thanh Hà về phê duyệt quy hoạch chi tiết	2,40	-
97	Khu dân cư số 1 xã Phụng Hoàng (giai đoạn 2)	ONT	0,80	-	0,80	LUC, DGT, DTL	Xã An Phượng	Tờ 3 (thửa 117,118,120,122-253-412...); (thửa 414,398,399...373,374 - 368,296,295,368)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3695/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND huyện Thanh Hà về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng XD khu dân cư số 1, xã Phụng Hoàng	0,80	-
98	Xây dựng khu dân cư mới chợ Lại xã Thanh Thủy (Phần còn lại)	ONT.	0,78	0,50	0,28	CLN, DGT, DCH	Xã Thanh Thủy	Tờ 5 (thửa 361,390-476); tờ 15 (thửa 91, 92,101,127,126,143..	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện Thanh Hà về Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới chợ Lại, xã Thanh Thủy	0,28	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
99	Xây dựng điểm dân cư số 2 khu 5 - xã Thanh Thủy (giai đoạn 3). (điểm dân cư khu vực xóm 5, mã ra đồng sẫm)	ONT	0,60	-	0,60	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 5 +Tờ 9 (thửa 148,180,183,184...432...); mảnh trích đo địa chính số 5 (thửa 680, 381, 411; 1, 2, 3, 4, 5, 9, 32, 33, 31, 30, 40, 41..	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3979/2017/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND huyện Thanh Hà về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,60	-
100	Dân cư khu Đồng Bo xã Thanh Xá	ONT	2,80		2,80	CLN, DGT	Xã Thanh Xá	Tờ 6 (thửa 40-41,70-79,80,81-154,153,158, 183...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện Thanh Hà Vv phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	2,80	-
101	Khu dân cư mới Sông Hương (Green river), xã Hồng Lạc	ONT.	30,00	-	30,00	CLN, HNK, DGT, DTL, SON..	Xã Hồng Lạc	Tờ 6 (thửa 374,375...423...613...614,612...604.605.606.531),...), tờ 10 (thửa 1,2,3,4,5..96,97,111...150,151, 154, 156...	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 16/03/2022 của UBND huyện Thanh Hà phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới Sông Hương (Green River), xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỷ lệ 1/500	30,00	-
102	Dự án đầu tư xây dựng điểm dân cư mới khu vực Vườn Địa, thôn Bắc, xã Hồng Lạc	ONT.	4,40	-	4,40	LUC, HNK, DGT, DTL; NTD..	Xã Hồng Lạc	Tờ 7 (thửa 1343,1344...1346...1421....1496....1490...1486, 1258, 1421-1454-1506-1505) Tờ 11 (thửa 20,21...33-36...99...162,163...63, 79...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh Vv Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng điểm dân cư mới khu vực Vườn Địa, thôn Bắc, xã Hồng Lạc	4,40	-
103	Dự án khu dân cư mới xã Tân Việt	ONT.	9,65	-	9,65	LUC, CLN, NTS, DGT, DTL, MNC...	Xã Tân Việt	Tờ số 07 (1641,1642...1717..1828...2163..2214...2399...2400..1711, 1888..2554..) tờ 8 (681-685..775...812-827), tờ 10 (43-47), tờ 11 (thửa 1-4)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3902/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Hồ sơ mời sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	9,65	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
104	Khu dân cư trung tâm xã Tân Việt	ONT.	1,99	0,40	1,59	LUC, CLN, DGT, DTL..	Xã Tân Việt	Tờ 7 (thửa 305...417-419, 464-466, 584..708...918...920...1056...1128...1209...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	1,59	-
105	Xây dựng khu dân cư phía Bắc Thị trấn Thanh Hà (giai đoạn 1) phần còn lại	ONT.	3,99	1,74	2,25	CLN, DGT..	Xã Cẩm Chế	Tờ 7 (thửa 4, 5,...7, 42, ...52, 191...198...308...320...407....414...464..544....)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND huyện Thanh Hà về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư phía Bắc thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà	2,25	-
106	Khu dân cư phía Bắc thị trấn Thanh Hà (giai đoạn 2)	ONT.	9,80	-	9,80	CLN, DGT, DTL..	Xã Cẩm Chế	Tờ 7 (thửa 594-645-847-841.....; Tờ 9 (thửa 4-7-36-56-58-204-178-455-457..	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	9,80	-
107	Điểm dân cư mới thôn Nhân Lư (Khu dân cư Ngõ Hà); phần còn lại	ONT	0,30	-	0,30	CLN	Xã Cẩm Chế	Tờ 7 (thửa 594-645-847-841.....; Tờ 9 (thửa 146,201,257,266...)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,30	-
108	Xây dựng điểm dân cư mới thôn Quan Khê (Vị trí 1)	ONT	0,61	-	0,61	LUC, CLN, DGT...	Xã Việt Hồng	Tờ 4 (thửa 53, 693-696-703....; Tờ 7 (Thửa 8-14, 97-103, 105, 136-243...)	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định 650/QĐ-UBND ngày 21/2/2019 của UBND huyện Thanh Hà về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới thôn Quan Khê	0,61	-
109	Xây dựng khu dân cư mới xóm 10, thôn Lang Can 3, xã Thanh Lang	ONT.	0,50	0,30	0,20	CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Lang	Tờ 6 (thửa 295,320,321,...,389,391)	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà về phê duyệt quy hoạch chi tiết	0,20	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
110	Điểm dân cư Cầu Sắt	ONT	0,73	-	0,73	CLN, DGT	Xã Liên Mạc	Tờ 6 (thửa 573,574,...583,594,595, 606, 607...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,73	-
111	Điểm dân cư thôn Văn Mạc	ONT	0,65	-	0,65	CLN, LUC, DGT	Xã Liên Mạc	Tờ 2 (thửa 391,1308, 1326,1327,1378..1390, 1412...1420,1482,1421 ,1451....1455)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,65	-
112	Điểm dân cư thôn Mạc Động	ONT	0,25	-	0,25	CLN, LUC, DGT	Xã Liên Mạc	Tờ 6 (thửa 614,616,617,629,630-632,669-672...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,25	-
113	Khu dân cư chợ Sung xã Liên Mạc	ONT	0,04	-	0,04	DCH	Xã Liên Mạc	Tờ 21 (thửa 56)	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết	0,04	-
114	Điểm dân cư thôn Hạ Vĩnh, xã Thanh Bính (giai đoạn 2)	ONT.	0,51	-	0,51	CLN, LUC, DGT	Xã Thanh Quang	Tờ 10 (412, 413-415, 389-391-480,482,416,417,478,328...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4357/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của UBND huyện Thanh Hà về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới thôn Hạ Vĩnh, xã Thanh Bính	0,51	-
115	Điểm dân cư mới thôn Lĩnh Hoàng, xã Thanh Quang	ONT.	3,40	-	3,40	CLN, DGT, DTL..	Xã Thanh Quang	Tờ 4 (thửa 312...351...372...); Tờ 7 (thửa 3, 6, 8,...27...74...79..)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1875-TB/HU ngày 14/8/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy Thanh Hà về việc triển khai khảo sát lập quy hoạch chi tiết	3,40	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
116	Tái định cư thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường 390 đoạn từ cầu Hợp Thanh đến cầu Quang Thanh	ONT.	0,62		0,62	DTT, CLN, MNC, DGT	Xã Thanh Quang	Tờ 4 (thửa 279, 280-282-287, 288, 382, ...)	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường 390 đoạn từ cầu Hợp Thanh đến cầu Quang Thanh	0,62	
117	Xây dựng điểm dân cư mới thôn Vĩnh Xá, xã Thanh cường	ONT.	3,28	-	3,28	CLN, LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Cường	Tờ 6 (thửa 134,160-172,228-259); Tờ 7 (thửa 105, 106-121-122-125-127-224-299-288-318-319-344-345)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 09/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà về phê duyệt quy hoạch chi tiết	3,28	-
*	Dân cư nhỏ lẻ, xen kẹt	ONT.	10,30	0,00	10,30					10,30	0,00
118	Chuyển mục đích phục vụ GPMB xây dựng khu dân cư phía bắc thị trấn Thanh Hà	ONT	0,30	-	0,30	CLN	Xã Cẩm Chế	Tờ 7 (thửa 415,418,419,420....)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	0,30	
119	Xử lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014; chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở; Đất vi phạm quyết định vi phạm 1654.	ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Thanh Hải		Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh (5,66ha)	0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN, LUC, DGT, DTL	Xã Tân An			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã An Phượng			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Thanh Khê			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Thanh Sơn			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Thanh Thủy			0,50	
		ODT	0,50	-	0,50	CLN	Thị trấn Thanh Hà			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Thanh Xuân			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Thanh Xá			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Việt Hồng			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Hồng Lạc			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Tân Việt			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Cẩm Chế			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Liên Mạc			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	DTT,CLN	Xã Thanh Lang			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN,NTS	Xã Thanh An			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Thanh Quang			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Thanh Cường			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Vĩnh Lập			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Thanh Hồng			0,50	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
II	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất và góp vốn bằng quyền sử dụng đất		77,22	7,44	69,78					60,39	9,39
1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD.	20,35	2,46	17,89					12,45	5,44
120	Dự án khu liên hiệp dịch vụ kỹ thuật ô tô Hải Dương (phần còn lại)	TMD	2,70	2,46	0,24	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân An	Tờ 1 (thửa 308, 309, 388, 389...)	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư	0,24	-
121	Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp Thanh Hà tại xã Tân An (Công ty TNHH WONDERLAND Thanh Hà	TMD	2,69		2,69	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân An	Tờ 1 (thửa: 722-724-763-765....810-812, 841...); Tờ 5 (9, 10, 13-51-54-59-111-116-121-178...); Tờ 6 (31, 55, 56-59...84...85...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1637- TB/HU ngày 21/5/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy V/v thực hiện dự án; Thông báo số 2176/TB-SKHĐT ngày 30/10/2020 Ý kiến của Liên ngành về hồ sơ đề xuất dự án	2,69	-
122	Dự án đầu tư cơ sở Dịch vụ thương mại tổng hợp Thanh Hà của Công ty TNHH Hoài Sơn (trong đó HLGT 0,43ha)	TMD	3,93		3,93	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân An	Tờ 1 (thửa 6-20...96, 97, 98, 29, 30, 26, 334, 332, 293, 296, 216...408, 168...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Công ty TNHH Hoài Sơn		3,93
123	Cơ sở kinh doanh dịch vụ, sửa chữa, bảo dưỡng và trông giữ xe ô tô 27-7 (TMD 1.26 ha; hạ tầng 0.79 ha)	TMD.	2,05	-	2,05	LUC, CLN, NTS, HNK, DGT,SON	Xã Thanh Hải, Xã Tân An	Thanh Hải tờ 2 (thửa 57...85, 148, 147...); Tân An tờ 4 (thửa 1236, 1242, 1222...)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	2,05	-
124	Dự án cửa hàng xăng dầu, kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp Toàn Lực tại xã Thanh Hải	TMD	1,17	-	1,17	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Hải	Tờ 13 (thửa 448,444...405..406...500...556...496...499...560, 566, 644...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	1,17	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
125	Cơ sở kinh doanh thiết bị điện Hồng Lạc (Hộ KD ông Bùi Văn Sơn)	TMD	0,15	-	0,15	LUC, DGT, DTL	Xã Hồng Lạc	Tờ 12 (thửa 795,796,797,814,815,816,920,922,931...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 7156/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Thanh Hà về chấp thuận chủ trương dự án Cơ sở kinh doanh thiết bị điện Hồng Lạc tại xã Hồng Lạc	0,15	
126	Dự án cửa hàng kinh doanh xăng dầu và thương mại dịch vụ tại xã Tân Việt, huyện Thanh Hà	TMD	1,00	-	1,00	LUC, DGT, DTL	Xã Tân Việt	Tờ 9 (thửa 447-490, 497, 551, 552, 553, 560, 561, 559-562,565 ...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định chủ trương đầu tư số 2914/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND huyện Thanh Hà về chủ trương chấp thuận thực hiện dự án	1,00	-
127	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ kiện nhôm kính và vật liệu xây dựng Vũ Gia	TMD	0,40	-	0,40	LUC, CLN	Xã Tân Việt	Tờ 3 (thửa 187)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND huyện V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	0,40	-
128	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Đức Bình (hộ kinh doanh Nguyễn Thị Láng)	TMD	0,10		0,10	CLN	Xã Cẩm Chế	Tờ 7 (thửa 324)	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 02/11/2023 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Chế về thông qua chủ trương xin đầu tư dự án của hộ kinh doanh ăn uống Đức Bình		0,10
129	Dự án Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại Thanh Thủy- hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Diện	TMD	0,57	-	0,57	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 556,556,665... 664...)	Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc Chủ trương đầu tư Dự án cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại Thanh Thủy của hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Diện	0,57	-
130	Dự án cơ sở thu mua và chế biến hàng nông sản Phương Anh - hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Quân	TMD	0,57	-	0,57	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 754...756...796,798... 664...)	Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc Chủ trương đầu tư Dự án cơ sở thu mua và chế biến hàng nông sản Phương Anh của hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Quân	0,57	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
131	Dự án cơ sở sản xuất và kinh doanh đồ gia dụng Việt Mỹ của hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị Ngân	TMD	0,54	-	0,54	CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 555...606,607...614...666,668...)	Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc Chủ trương đầu tư Dự án cơ sở sản xuất và kinh doanh đồ gia dụng Việt Mỹ của hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị Ngân	0,54	-
132	Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp Minh Thảo - hộ kinh doanh ông Phạm Khắc Tuyền	TMD	0,48	-	0,48	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 616,617...676,700...669)	Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc Chủ trương đầu tư Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp Minh Thảo - hộ kinh doanh ông Phạm Khắc Tuyền	0,48	-
133	Dự án cơ sở kinh doanh và thu mua hàng nông sản Hợp Thanh - hộ kinh doanh ông Phạm Thanh Tùng	TMD	0,52	-	0,52	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 708,709...720...772,773,028...699...)	Quyết định số 2909/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc Chủ trương đầu tư Dự án cơ sở kinh doanh và thu mua hàng nông sản Hợp Thanh - hộ kinh doanh ông Phạm Thanh Tùng	0,52	-
134	Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh đồ thủ thủ công mỹ nghệ Phương Linh - hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Nam	TMD	0,52	-	0,52	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 696...909..708.....728, 729..699...)	Quyết định số 2909/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc Chủ trương đầu tư Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh đồ thủ công mỹ nghệ Phương Linh - hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Nam	0,52	-
135	Dự án Cơ sở kinh doanh tổng hợp tại xã Thanh Quang (hộ kinh doanh Lê Viết Thái)	TMD	0,50	-	0,50	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Quang	Tờ 3 (thửa 1189, 1190, 1200...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4800/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện về Chủ trương đầu tư dự án Cơ sở kinh doanh tổng hợp Thanh Quang của hộ kinh doanh ông Lê Viết Thái	0,50	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
136	Dự án Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng tại xã Thanh Quang (hộ kinh doanh Lê Viết Thụ)	TMD	0,50	-	0,50	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Quang	Tờ 3 (thửa 1139, 1143-1161,...1189, 1190-1193-1195, 1200, 1202)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4799/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Thanh Hà về Chủ trương đầu tư dự án Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng của hộ kinh doanh Lê Viết Thụ	0,50	-
137	Cơ sở thu mua và đóng gói nông sản Thanh Hà	TMD	0,45		0,45	CLN, DGT	Xã Thanh Quang	Tờ 5 (thửa 208, 207, 223-225, 232, 233..)	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư ngày 20/11/2023 của hộ kinh doanh Lê Văn Khởi		0,45
138	Xây dựng cửa hàng xăng dầu của Chi nhánh xăng dầu Hải Dương	TMD	0,56		0,56	CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Cường	Tờ 3 (thửa 682, 749-753, 826, 798, 209); Tờ 7 (thửa 39); tờ 22 (thửa 194)	Văn bản số 1333/UBND-VP ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc hướng dẫn chi nhánh xăng dầu Hải Dương thực hiện thủ tục đầu tư cửa hàng xăng dầu		0,56
139	Cơ sở kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ Quang Thanh	TMD	0,40		0,40	CLN	Xã Thanh Cường	Tờ 7 (thửa 45, 66, 67, 829, 830)	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư ngày 08/6/2023 của hộ Kinh doanh Nguyễn Hữu Văn		0,40
140	Cơ sở kinh doanh xăng dầu và sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô Hoài Sơn (Mở rộng)	TMD	0,55	-	0,55	CLN	Xã Vĩnh Lập	Tờ 7 (thửa 322, 392, 393, 408-410, 473..)	Công văn số 683/UBND-TCKH ngày 15/11/2019 của UBND huyện V/v mở rộng cơ sở kinh doanh xăng dầu và sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô Hoài Sơn; Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	0,55	-
2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC.	36,88	4,98	31,90					27,95	3,95
141	Cơ sở sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn	SKC	4,00	-	4,00	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân An	Thửa 207,267,268, 403, 391-667,668,658...792, tờ bản đồ số 5	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	4,00	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
142	Nhà máy sản xuất nguyên liệu gốm sứ và sứ kỹ thuật Ceraglas số 2	SKC	4,00	-	4,00	LUC, CLN, DGT, DTL, NTD...	Xã Tân An	Thửa 6,22,23...54 tờ bản đồ số 4, các thửa 324...659, tờ bản đồ số 5	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	4,00	-
143	Nhà máy sản xuất kính an toàn số 1 Hải Dương	SKC	0,73	-	0,73	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Hải	Tờ 1 (thửa 11, 12, 15, 16, 17...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án	0,73	-
144	Cơ sở kinh doanh chế biến gỗ, dịch vụ kho bãi và thương mại Ngọc Việt (hộ KD Vũ Trung Thành)	SKC	0,50	-	0,50	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Hải	Tờ 1 (thửa 116,131-133,120,161,162,181...)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND huyện Thanh Hà V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	0,50	-
145	Cơ sở SX kinh doanh cơ khí, dịch vụ kho bãi và thương mại Hải Dương (hộ KD Hoàng Minh Hanh)	SKC	0,40	-	0,40	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Hải	Tờ 1 (thửa 96,97,98,115,116,133...)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND huyện Thanh Hà V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	0,40	-
146	Mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH may TBT	SKC	2,00		2,00	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Hải	Tờ 7 (thửa 56, 106-108...122, 219-245...148, 120...)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1027-TB/HU ngày 30/01/2020 của Huyện ủy Thanh Hà về việc Mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH may TBT		2,00
147	Dự án Nhà máy sản xuất bao bì Carton của CTCP chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu Hải Dương	SKC	6,50	4,98	1,52	LUC, CLN, DGT, DTL...	Xã Hồng Lạc	Tờ 6 (thửa 296-298, 338-341, 304, 342, 356-361; 388-393,363-366; 381, 385...387....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	1,52	-
148	Cơ sở sản xuất bánh kẹo và kinh doanh bách hóa Hồng Ngân	SKC	2,95	-	2,95	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Hồng Lạc	Tờ 17 (thửa 1183, 1184, 1242...1246...1379...1385 ...1479...1481...1550...15 55...), tờ 12 (thửa 25, 26,41)	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	2,83	0,12

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
149	Dự án Cơ sở sản xuất bê tông tươi, bê tông áp phan và vật liệu xây dựng của Công ty TNHH thương mại và xây dựng Việt Hòa	SKC	2,94	-	2,94	LUC, HNK, DGT, DTL	Xã Hồng Lạc	Tờ 3 (thửa 31, 32, ...), tờ 6 (8,9,10...199); tờ số 7 (205, 276, 277, 278...)	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3725/QĐ-UBND ngày 9/12/2021 của UBND tỉnh V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	2,94	-
150	Xây dựng khu sơ chế, bảo quản rau, củ, quả và sản phẩm nông nghiệp của hộ kinh doanh Bà Lê Thị Duyên tại xã Hồng Lạc	SKC	0,48	-	0,48	DGT, DTL, LUC, NTS	Xã Hồng Lạc	Tờ 6 (thửa 367, 368, 369, 370, 372, 373, 378, 379, 416, 417....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 7155/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Thanh Hà về chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng khu sơ chế bảo quản rau củ quả và sản phẩm nông nghiệp của hộ KD bà Lê Thị Duyên	0,48	-
151	Cơ sở thu mua, chế biến và kinh doanh nông sản (hộ bà Hà Thị Phượng)	SKC	1,10	-	1,10	LUC, DGT, DTL	Xã Tân Việt	Tờ 9 (thửa 449451,482...486,504, 506, 568, 569...600)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định chủ trương đầu tư số 2914/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND huyện Thanh Hà về chủ trương chấp thuận thực hiện dự án Cơ sở thu mua, chế biến và kinh doanh nông sản	1,10	-
152	Xây dựng Dự án Nhà máy sản xuất bao bì phục vụ ngành nông nghiệp của Công ty TNHH xuất nhập khẩu IRI FACTORY VINA	SKC	3,29	-	3,29	LUC, HNK; NTS; DGT,	Xã Việt Hồng; Xã Cẩm chế	Xã Việt Hồng tờ 10; Xã Cẩm Chế tờ 2, tờ 3	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	3,29	-
153	Dự án Cơ sở sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn của Công ty TNHH tập đoàn DRG	SKC	2,72	-	2,72	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Cẩm Chế	Tờ 3 (thửa 35-77...104-194, 216-225, 237-242, 280-301)	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 4/11/2020 của UBND tỉnh V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	2,72	-
154	Dự án Nhà máy sản xuất bao bì nhựa Mạnh Tín tại xã Cẩm Chế	SKC	1,75	-	1,75	LUC, NTS, DGT, DTL	Xã Cẩm Chế	Tờ 3 (thửa 31,32-35....100-105...243...257...272 ...310...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Thông báo 220/TB-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án	1,75	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2023 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2024 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
155	Nhà máy sản xuất bao bì Toàn Cầu An của Công ty TNHH Toàn Cầu An (trong đó HLG 0,17ha)	SKC.	1,83		1,83	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Cẩm Chế, Xã Thanh An	Tờ 3 (thửa 113...118, 227...237...297...353...) xã Cẩm Chế; Tờ 4 (thửa 878, 879, 932, 933, 934... 1378,) xã Thanh An	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Công ty TNHH bao bì Toàn Cầu An		1,83
156	Cơ sở sản xuất kinh doanh Phú Hiệp	SKC.	0,52	-	0,52	CLN	Xã Cẩm Chế, Xã Việt Hồng	Tờ 2 (thửa 80,111, 112, 1250,87,88,60,59..)	Quyết định số 9719/QĐ/UBND ngày 15/8/2016 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt chủ trương dự án: Điều chỉnh bổ sung lần 3 dự án	0,52	-
157	Cơ sở sản xuất bê tông tươi, cấu kiện bê tông đúc sẵn và kinh doanh vật liệu xây dựng của hộ kinh doanh bà Phan Thị Hoa tại xã Thanh Thủy	SKC	1,01	-	1,01	CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 686 b, 686 c, 687, 715,...761, 764...)	Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND huyện Thanh Hà Vv Chủ trương đầu tư dự án Cơ sở sản xuất bê tông tươi, cấu kiện bê tông đúc sẵn và kinh doanh vật liệu xây dựng của hộ kinh doanh bà Phan Thị Hoa tại xã Thanh Thủy	1,01	-
158	Dự án xây dựng xưởng chiếu cói Tiên Kiều	SKC	0,16	-	0,16	CLN	Xã Thanh Hồng	Tờ 7 (thửa 658), tờ 8 (thửa 350, 376, 377, 380)	Văn bản ngày 11 tháng 9 năm 2012 của UBND huyện Thanh Hà về chấp thuận dự án xây dựng xưởng sản xuất chiếu cói Tiên Kiều	0,16	-
3	Đất sản xuất VL xây dựng, làm đồ gốm	SKX.	13,15	0,00	13,15					13,15	0,00
159	Vùng nguyên liệu của nhà máy sản xuất gạch Tuynel (Công ty cổ phần thương mại, sản xuất và xây dựng Phụng Hoàng)	SKX	13,15	-	13,15	HNK, CLN, NTS, DGT	Xã An Phượng	Tờ 6, 7, 10, 11	Quyết định số 4176/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư	13,15	-
4	Đất nông nghiệp khác	NKH.	6,84	0,00	6,84					6,84	0,00
160	Đầu tư phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, kết hợp trồng cây ngắn ngày tại bãi ngoài đê tả sông Thái Bình	NKH	1,34	-	1,34	HNK, DTL	Xã An Phượng	Tờ 10 (thửa 1,56,57,60....)	Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của UBND tỉnh Hải Dương V/v phê duyệt chủ trương phát triển chăn nuôi thủy sản kết hợp trồng cây ngắn ngày Bãi ngoài đê tả Thái Bình	1,34	-
161	Mở rộng dự án đầu tư phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng cây khu Đồng Dím	NKH	5,50	-	5,50	LUC, CLN, HNK	Xã An Phượng	Tờ 3 (thửa 184, 331, 333, 460, 547...)	Nghị quyết phiên họp thứ 4/NQ-ĐU ngày 08/01/2020 của BCH Đảng bộ xã An Phượng Vv nhất trí chủ trương chuyển mục đích	5,50	-